

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3804 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về bổ sung Quy định quản lý theo đồ án về nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm đối với các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000, tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt trên địa bàn Thành phố (đính kèm danh mục các đồ án)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Số: 12533

ĐẾN Ngày: 18/9

Chuyển: A. Tâm

P. K. T.

Số và ký hiệu HS:

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch được Quốc hội ban hành số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 04:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư;

Căn cứ TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4040/TTr-SQHKT ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Tờ trình số 4142/TTr-SQHKT ngày 13 tháng 9 năm 2024 về bổ sung Quy định quản lý theo đồ án về nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm đối với các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000, tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt trên địa bàn Thành phố (đính kèm danh mục các đồ án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Quy định quản lý theo đồ án về nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm đối với các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000, tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (bao gồm các đồ án điều chỉnh) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (còn thời hạn hiệu lực) trên địa bàn Thành phố. Nội dung bổ sung như sau:

"Quản lý không gian xây dựng ngầm (phân ngầm công trình xây dựng trên mặt đất):

1. Đối với nhóm nhà ở thấp tầng, nhà ở riêng lẻ, cho phép xây dựng tối đa 01 tầng hầm để bố trí tầng kỹ thuật, bãi đậu xe. Trường hợp nhà ở riêng lẻ kết hợp chức năng khác có nhu cầu xây dựng từ 02 tầng hầm trở lên phải lập quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn).

2. Đối với nhóm nhà ở cao tầng (chung cư), các công trình dịch vụ, công cộng và trụ sở, công trình xây dựng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và công trình xây dựng khác... cho phép xây dựng tầng hầm phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng. Số tầng hầm và vị trí tầng hầm của công trình được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chi tiết (quy hoạch tổng mặt bằng), bản vẽ xin phép xây dựng, thiết kế cơ sở, các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng chuyên ngành, Quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị (nếu có).

3. Các nội dung lưu ý:

a. Việc xây dựng công trình ngầm đô thị phải tuân thủ các nội dung sau:

+ Quy chuẩn về xây dựng ngầm, giấy phép xây dựng;

+ Ranh giới xây dựng tầng hầm công trình không vượt quá phạm vi sử dụng đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có nhu cầu xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất đã được xác định (trừ phần đầu nối kỹ thuật của hệ thống đường dây, đường ống ngầm) thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

+ Bảo đảm an toàn cho cộng đồng, cho bản thân công trình và các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng, khai thác, vận hành của các công trình lân cận cũng như các công trình đã có hoặc đã xác định trong quy hoạch đô thị.

b. Tầng hầm phục vụ nhu cầu đỗ xe và hệ thống kỹ thuật, không tính vào hệ số sử dụng đất; trường hợp ngoài các chức năng nêu trên cần tính toán các diện tích sàn hầm này vào hệ số sử dụng đất, đảm bảo không vượt hệ số theo quy hoạch cho phép."

Điều 2. Đính kèm theo Quyết định này là Danh mục các Quyết định phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000, tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và còn hiệu lực pháp lý theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời các Quyết định phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000, tỷ lệ 1/2000,

quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho đến khi được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này được phê duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các Ban Quản lý các khu chức năng đô thị Thành phố có trách nhiệm công bố công khai nội dung điều chỉnh này theo quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc hoặc cần thiết bổ sung thêm nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm vào Quy định quản lý các đồ án quy hoạch phân khu cho phù hợp điều kiện thực tế thì Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan có ý kiến gửi về Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức nghiên cứu nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm của Quyết định này, để xem xét quyết định thực hiện bổ sung nội dung quy hoạch không gian xây dựng ngầm vào Quy định quản lý đã được phê duyệt (hoặc cần lập mới) theo các đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000, tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (còn hiệu lực pháp lý) trên địa bàn thành phố Thủ Đức, theo thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

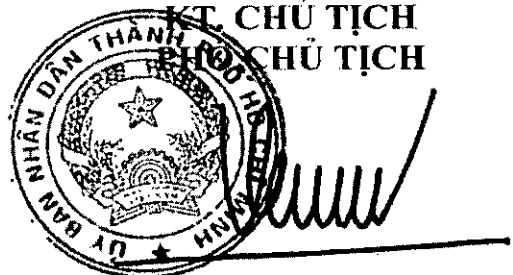
4. Căn cứ Quyết định này, giao Sở Xây dựng hướng dẫn các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, thực hiện thống nhất trong việc giải quyết cấp phép xây dựng công trình có tầng hầm trên toàn địa bàn Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và truyền thông, Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển Thành phố; Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Trưởng Ban Quản lý các khu chức năng đô thị Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4; (đính kèm danh mục)
- TTUB:CT, các PCT;
- VP UB: các PCVP;
- Phòng Đô thị;
- Lưu: VT, (ĐT-MTu). 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Cường

**CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU, QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỔ SUNG NỘI DUNG QUY ĐỊNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN XÂY DỰNG NGẮM ĐÔ THỊ**(Đính kèm Quyết định số: **3804** /QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

UBND QUẬN/HUYỆN/ CÁC BQL	STT	TÊN ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU, QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000	QUY MÔ (Ha)	QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT SỐ	CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
Quận 1 Công văn số 3076/UBND-ĐT ngày 12/9/2024	1	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Định	61,02	4793/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	UBND/TP
	2	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cầu Kho	34,2	4794/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	UBND/TP
	3	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Cô Giang và một phần phường Cầu Ông Lãnh	46,15	4792/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	UBND/TP
	4	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Nguyễn Cư Trinh	73,63	3140/QĐ-UBND ngày 25/7/2019	UBND/TP
Quận 3 Công văn số 1780/UBND-QLĐT ngày 22/8/2024	1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 1, Quận 3	14,97	866/QĐ-UBND ngày 20/02/2013	UBND/TP
	2	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 2, Quận 3	15,32	6694/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	UBND/TP
	3	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 3, Quận 3	15,59	114/QĐ-UBND ngày 09/01/2013	UBND/TP
	4	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 4, Quận 3	30,97	844/QĐ-UBND ngày 19/02/2013	UBND/TP
	5	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 5, Quận 3	24,87	207/QĐ-UBND ngày 14/01/2013	UBND/TP
	6	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 7 Quận 3 (phần ngoài ranh Khu Trung tâm hiện hữu mở rộng Thành phố Hồ Chí Minh diện tích 930ha)	48,13	673/QĐ-UBND ngày 04/02/2013	UBND/TP
	7	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 8, Quận 3	39,83	206/QĐ-UBND ngày 14/01/2013	UBND/TP
	8	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 9, 10, 11, 12 và 13, Quận 3	140,54	491/QĐ-UBND ngày 28/01/2013	UBND/TP
	9	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư phường 14, Quận 3	30,63	843/QĐ-UBND ngày 19/02/2013	UBND/TP
	10	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 7 (phần ngoài ranh khu vực quy hoạch Khu trung tâm hiện hữu mở rộng thành phố 930ha), Quận 3	70,04	3437/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	UBND/TP

Quận 4 Công văn số 2104/UBND-ĐT ngày 22/8/2024	1	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 1, Quận 4	38,656	5239/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	UBND/TP
	2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 2-10, Quận 4	154,0	883/QĐ-UBND ngày 21/02/2013	UBND/TP
	3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 12-13, Quận 4	84,6	5034/QĐ-UBND ngày 29/9/2012	UBND/TP
	4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 14, Quận 4	18,49	1463/QĐ-UBND-TH ngày 11/10/2009	UBND/Q4
	5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 một phần khu dân cư phường 15 và một phần phường 14 Quận 4	20,06	5105/QĐ-UBND ngày 10/4/2012	UBND/TP
	6	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 16, Quận 4	32,55	5224/QĐ-UBND ngày 10/10/2012	UBND/TP
	7	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 18, Quận 4	70,08	691/QĐ-UBND-TH ngày 13/10/2008 ; 1703/QĐ-UBND-TH ngày 29/12/2009	UBND/Q4
Quận 5 Công văn 1710/UBND- QLĐT ngày 19/8/2024	1	Quy hoạch phân khu (Điều chỉnh quy hoạch chi tiết) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 2, 3, 4	84,81	925/QĐ-UBND ngày 18/03/2021	UBND/TP
	2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 1, 3, 4	98,71	12/2007/QĐ-UBND ngày 15/08/2007	UBND/Q5
	3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 5, 6, 10	69,83	5697/QĐ-UBND ngày 07/12/2007	UBND/Q5
	4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 7, 8, 11, 12	117,10	10/2007/QĐ-UBND ngày 13/07/2007	UBND/Q5
	5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 9	38,68	6167/QĐ-UBND ngày 25/12/2007	UBND/Q5
	6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 13, 14, 15	74,10	703/QĐ-UBND ngày 31/01/2008	UBND/Q5
Quận 6 Công văn số 4808/UBND- QLĐT ngày 19/8/2024	1	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Khu dân cư liên phường 1-2 quận 6 tỉ lệ 1/2000 (phần quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc và giao thông)	53,74	1158/QĐ-UBND ngày 22/4/2010	UBND/Q.6
	2	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường 3, 4 quận 6 (phần quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc và giao thông)	44,00	2429/QĐ-UBND ngày 01/9/2010	UBND/Q.6
	3	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường 5, 6, 9 và một phần phường 12 quận 6 (phần quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc và giao thông)	88,44	4545/QĐ-UBND-QLĐT ngày 08/4/2011	UBND/Q.6
	4	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị khu dân cư phường 7, 8 quận 6 (phần quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc và giao thông)	106,61	1255/QĐ-UBND ngày 06/5/2010	UBND/Q.6
	5	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 10, 11 quận 6 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	246,91	3906/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	UBND/TP
	6	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư một phần liên phường 12, 13, 14 quận 6 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	138,94	3905/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	UBND/TP

	7	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phú Lâm, một phần liên phường 13, 14 quận 6 (quy hoạch sử dụng đất – kiến trúc – giao thông)	372,469	3904/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	UBND/TP
Quận 7 Công văn số 5435/UBND- QLĐT ngày 29/8/2024	1	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Hưng.	219.8	5391/QĐ-UBND ngày 30/9/2013	UBND/TP
	2	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Kiểng.	97	56/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 26/8/2005	UBND/Q.7
	3	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Quy.	85.71	36/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 23/6/2005	UBND/Q.7
	4	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Phú.	95.57	38/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 23/6/2005	UBND/Q.7
	5	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Bình Thuận.	161.96	39/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 27/6/2005	UBND/Q.7
	6	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Thuận Tây (khu A,B).	55.37	37/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 23/6/2005	UBND/Q.7
	7	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Thuận Đông (phía Nam).	118	57/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 26/8/2005	UBND/Q.7
	8	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Thuận Đông (phía Bắc).	81.27	4812/QĐ-UBND ngày 05/9/2013	UBND/TP
	9	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phía Bắc rạch Bà Bướm - phường Phú Thuận.	110	66/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 22/9/2005	UBND/Q.7
	10	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phía Nam rạch Bà Bướm - phường Phú Thuận.	264	49/2005/QĐ-UBND ngày 04/5/2010	UBND/Q.7
	11	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu Công viên Mũi Đèn Đỏ và Khu nhà ở đô thị - phường Phú Thuận.	121.9	3363/QĐ-UBND ngày 02/8/2010	UBND/TP
	12	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Phú Mỹ (phía Đông đường HTP).	96.05	864/QHKT-QH ngày 18/3/2004	SQHKT
	13	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Phú Mỹ (phía Tây đường HTP).	216	58/2005/QĐ-UBND-QLĐT ngày 26/8/2005	UBND/Q.7
	14	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	300,00	5973/QĐ-UBND ngày 26/12/2006	UBND/TP
Quận 8 Công văn số 2930/UBND- QLĐT ngày 09/9/2024	1	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư Phường 1, Quận 8 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	48.5	7931/QĐ-UBND ngày 05/7/2010	UBND Q8
	2	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 2 - 3, Quận 8 (phần kiến trúc - giao thông)	100.16	7930/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 8	UBND Q8
	3	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư - công viên văn hóa Phường 4, Quận 8 (phần kiến trúc - giao thông)	144.75	3908/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	UBND/TP

	4	Đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Chánh Hưng, Phường 5, Quận 8	74.77	3727/QĐ-UBND ngày 09/7/2013	UBND/TP
	5	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Bông Sao, Phường 5, Quận 8 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	90.64	5123/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
	6	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 6, Quận 8 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	146.85	10149/KTST-QH ngày 02/10/2000	KTST
	7	duyet quy hoạch chi tiết sử dụng đất cải tạo và xây dựng khu dân cư rạch Bà Tăng, Phường 7, Quận 8	64.54	3907/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	UBND/TP
	8	Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phú Lợi, Phường 7, Quận 8	128.1	8372/QĐ-UBND ngày 10/12/2009	UBND Q8
	9	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 8 - 9 - 10, Quận 8 (phần kiến trúc - giao thông)	100.23	3792/QĐ-UBND ngày 12/7/2013	UBND/TP
	10	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư Phường 11, Quận 8 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	26.94	1794/QĐ-UBND ngày 16/03/2009	UBND Q8
	11	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 12 - 13, Quận 8	53.98	4665/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
	12	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 14, Quận 8 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)	55.18	10322/QĐ-UBND ngày 17/09/2010	UBND Q8
	13	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Rạch Láo (khu A), Phường 15, Quận 8 (phần kiến trúc - giao thông)	89.15	7546/QĐ-UBND ngày 15/9/2005	UBND Q8
	14	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Mễ Cốc Phường 15, Quận 8	64.84	4055/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 c	UBND/TP
	15	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 16, Quận 8	354.7	4055/QĐ-UBND ngày 26/7/2013	UBND/TP
	16	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư 49,3ha tại Phường 7, Quận 8	49.3	430/KTST-QH ngày 04/02/2002	UBND/TP
Quận 10 Công văn số 2868/UBND- QLĐT ngày 19/8/2024	1	Đồ án điều chỉnh QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P.01 Q.10	20.81	5260/QĐ-UBND ngày 25/09/2013	UBND/TP
	2	Đồ án QHCT XDĐT (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư liên phường 2,3,4,9,10,11, Q.10	106.68	8007/QĐ-UBND ngày 30/12/2009	UBND/Q.10
	3	Đồ án điều chỉnh QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên phường 5-6-8, Q.10	52.56	4453/QĐ-UBND ngày 19/08/2013; 7421/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	UBND/TP
	4	Đồ án QHCT XDĐT (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư P.7, Q.10	10.57	2022/QĐ-UBND ngày 09/04/2009	UBND/Q.10
	5	Đồ án điều chỉnh QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P.12, Q.10	128.72	4650/QĐ-UBND ngày 28/08/2013; 7353/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	UBND/TP
	6	Đồ án QHCT XDĐT (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư P.13, Q.10	47.02	1504/QĐ-UBND ngày 08/03/2010	UBND/Q.10

	7	Đồ án QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P.14, Q.10	97.33	4450/QĐ-UBND ngày 19/08/2013; 7294/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	UBND/TP
	8	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh QHCT XDĐT tỷ lệ 1/2000) Khu C30, P.14, Q.10 và P.6, Q.Tân Bình	40.95	5152/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	UBND/TP
	9	Đồ án điều chỉnh QHCT XDĐT (QHPK) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P.15, Q.10	77.66	4947/QĐ-UBND ngày 11/09/2013; 7299/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	UBND/TP
Quận 11 Công văn số 2603/UBND- QLĐT ngày 26/8/2024	1	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1-3-10, Quận 11	131.15	2400/QĐ-UBND ngày 11/05/2013	UBND/TP
	2	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 4-6-7 và Phường 15, Quận 11	130.4	2422/QĐ-UBND ngày 13/05/2013	UBND/TP
	3	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 5-14, Quận 11	97.93	6163/QĐ-UBND ngày 20/12/2011	UBND/TP
	4	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 2-16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	50.25	288/QĐ-UBND ngày 15/05/2007	UBND/Q.11
	5	điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm dân cư liên Phường 8-12-13, Quận 11	64.76	1104/QHKT-QH ngày 03/04/2003	SQHKT
	6	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Cụm dân cư liên Phường 9-11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	38.85	976/QĐ-UBND ngày 20/9/2006	UBND/Q.11
	7	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu Trường đua Phú Thọ, Phường 15, Quận 11.	48.54	2625/QĐ-UBND ngày 22/06/2018 và số 3964/QĐ-UBND ngày 11/09/2018.	UBND TP
Quận 12 Công văn 6259/UBND-ĐT ngày 20/8/2024	1	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 1 - phía Bắc, phường An Phú Đông, Quận 12 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000)	109.3	5056/QĐ-UBND ngày 16/9/2013	UBND/TP
	2	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 2 - phía Bắc, phường An Phú Đông, Quận 12 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000)	148.45	5057/QĐ-UBND ngày 16/9/2013	UBND/TP
	3	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 3 - phía Nam, phường An Phú Đông, Quận 12	328.78	4939/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
	4	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 4 - phía Nam, phường An Phú Đông, Quận 12	221.22	4936/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
	5	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 1 - phía Bắc, phường Thạnh Lộc, Quận 12	95.62	4661/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
	6	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Thạnh Lộc, Quận 12 (khu 2)	399	732/QĐ-UBND-ĐT ngày 31/12/2008	UBND/Q12
	7	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 3 - phía Nam, phường Thạnh Lộc, Quận 12.	96.4	4455/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	UBND/TP
	8	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 1 - phía Bắc, phường Thạnh Xuân, Quận 12 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000)	251	4955/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
	9	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 100ha phường Thạnh Xuân, Quận 12	86.53	4655/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
	10	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm, phường Thạnh Xuân, Quận 12 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000)	198.5	5055/QĐ-UBND ngày 16/9/2013	UBND/TP
	11	Đồ án phân khu tỷ lệ 1/2000 khu 2 - phía Nam, phường Thạnh Xuân (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000).	264.71	5134/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
	12	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Thới An (khu 2), Quận 12	298.02	637/QĐ-UBND-ĐT ngày 24/12/2008	UBND/Q12

	13	Đồ án phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng) tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm và dân cư Quận 12 (khu 1) tại phường Thới An, Quận 12.	94.44	5331/QĐ-UBND ngày 26/9/2013	UBND/TP
	14	Đồ án phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng) tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm và dân cư Quận 12 (khu 2) tại phường Thới An, Quận 12.	111.91	5332/QĐ-UBND ngày 26/6/2013	UBND/TP
	15	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư và công nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000).	542	2855/QĐ-UBND ngày 31/5/2013	UBND/TP
	16	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Thới Hiệp (khu 1)	153.4	627/QĐ-UBND-ĐT ngày 23/12/2008	UBND/Q12
	17	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Thới Hiệp (khu 2), Quận 12	100.9	631/QĐ-UBND-ĐT ngày 24/12/2008	UBND/Q12
	18	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Tân Chánh Hiệp (khu 1), Quận 12	112	323/QĐ-UBND-ĐT ngày 08/9/2008	UBND/Q12
	19	Đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất Khu dân cư phường Tân Chánh Hiệp (khu 2 - phần còn lại), Quận 12	310	121/QĐ-UB ngày 31/5/2004	UBND/Q12
	20	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Trung Mỹ Tây (khu 1), Quận 12	172.5	630/QĐ-UBND-ĐT ngày 24/12/2008	UBND/Q12
	21	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Trung Mỹ Tây (khu 2), Quận 12	102.06	622/QĐ-UBND-ĐT ngày 23/12/2008	UBND/Q12
	22	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết một phần khu dân cư phường Đông Hưng Thuận - Quận 12	64.22	17568/KTST.T-QH ngày 05/12/1998	KTS.T/TP
	23	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường Đông Hưng Thuận (khu 2), Quận 12	108.55	623/QĐ-UBND-ĐT ngày 23/12/2008	UBND/Q12
	24	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường Đông Hưng Thuận (khu 3), Quận 12	260	551/QĐ-UBND-ĐT ngày 28/11/2008	UBND/Q12
	25	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường Tân Thới Nhất (khu 1), Quận 12	149.16	783/QĐ-UBND-ĐT ngày 31/12/2009	UBND/Q12
	26	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường Tân Thới Nhất (khu 2), Quận 12	240	628/QĐ-UBND-ĐT ngày 23/12/2008	UBND/Q12
Bình Thạnh Công văn số 3663/UBND- QLĐT ngày 06/9/2024	1	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên Phường 1, 2, 3, 14, quận Bình Thạnh	136,58	2616/QĐ-UBND-QLĐT ngày 01/3/2011 và số 4699/QĐ-UBND ngày 13/9/2012	UBND quận và UBND TP
	2	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 5, 6, 7, 11, quận Bình Thạnh	183,85	4653/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
	3	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Trường Cán bộ Thành phố và khu công viên cây xanh TĐTT, khu tái định cư phường 12, quận Bình Thạnh (tỷ lệ 1/2000)	27,089	4500/2007/QĐ-UBND-QLĐT ngày 22/6/2007	UBND quận Bình Thạnh
	4	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 12 (phần còn lại), quận Bình Thạnh	84,28	794/QĐ-UBND ngày 06/3/2020	UBND/TP

5	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Bình Hòa, Phường 13, quận Bình Thạnh	123,1418	2604/QĐ-UBND ngày 27/5/2009	UBND/TP	
6	Đồ án quy hoạch phân khu (quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) tỉ lệ 1/2000 khu dân cư một phần Phường 13 (giới hạn bởi đường Quân sự - sông Sài Gòn - rạch Thủ Tác - rạch Lãng), quận Bình Thạnh	115,32	Quyết định 5261/QĐ-UBND ngày 25/9/2013	UBND/TP	
7	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phường 15, quận Bình Thạnh	51,86	5854/QĐ-UBND-QLĐT ngày 20/9/2010 và số 5875/QĐ-UBND ngày 05/12/2011	UBND quận và UBND TP	
8	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 17, quận Bình Thạnh	63,88	1815/QĐ-UBND ngày 12/4/2013	UBND/TP	
9	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 khu dân cư liên phường 19-21, quận Bình Thạnh	72,77	5386/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 và số 6747/QĐ-UBND ngày 16/12/2013	UBND quận và UBND TP	
10	Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư 60,4ha phía Tây Bắc đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh	60,4	5304/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 và số 7303/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của	UBND/TP	
11	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu Trung tâm hiện hữu Thành phố (930ha)	930	6708/QĐ-UBND ngày 29/12/2012	UBND/TP	
12	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phường 24, quận Bình Thạnh	56,94	5855/QĐ-UBND-QLĐT ngày 20/9/2010 và số 6074/QĐ-UBND ngày 14/12/2011	UBND quận và UBND TP	
13	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 25, quận Bình Thạnh	183,1	5337/QĐ-UBND ngày 26/9/2013	UBND/TP	
14	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 26 (phần còn lại), quận Bình Thạnh	103,06	6419/QĐ-UBND-QLĐT ngày 12/10/2010 c và số 5876/QĐ-UBND ngày 05/12/2011	UBND quận và UBND TP	
15	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 khu dân cư tam giác Đài liệt sỹ, Phường 26, quận Bình Thạnh	26,63	5262/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 và số 7402/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	UBND quận và UBND TP	
16	Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 27, quận Bình Thạnh	84,99	5256/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 và số 7392/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	UBND quận và UBND TP	
17	Đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Bình Quới - Thanh Đa, Phường 28, quận Bình Thạnh	426,93	3408/QĐ-UBND ngày 13/07/2015	UBND/TP	
Gò Vấp Công văn số 5088/UBND-QLĐT ngày 09/9/2024	1	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 1, quận Gò Vấp	58,55	Số 2922/QĐ-UBND ngày 16/7/2009	UBND quận Gò Vấp
	2	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 3, quận Gò Vấp	144,69	Số 759/QĐ-UBND ngày 04/3/2010	UBND quận Gò Vấp
	3	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 4, quận Gò Vấp	37,42	Số 2921/QĐ-UBND ngày 16/7/2009	UBND quận Gò Vấp

	4	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phường 5, quận Gò Vấp	158,66	Số 5035/QĐ-UBND ngày 29/9/2012	UBND TP
	5	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 7, quận Gò Vấp	97,36	Số 1418/QĐ-UBND ngày 22/3/2013	UBND TP
	6	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phường 10, quận Gò Vấp	165,44	Số 4354/QĐ-UBND ngày 23/8/2012	UBND TP
	7	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư một phần Phường 8, một phần Phường 9 và trọn Phường 11, quận Gò Vấp	216,76	Số 2871/QĐ-UBND ngày 10/7/2009	UBND quận Gò Vấp
	8	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Phường 12, Phường 14, một phần Phường 8 và một phần Phường 9, quận Gò Vấp	458,5	Số 2145/QĐ-UBND ngày 24/9/2007	UBND quận Gò Vấp
	9	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Phường 13, quận Gò Vấp	85,55	Số 4777/QĐ-UBND ngày 24/12/2009	UBND quận Gò Vấp
	10	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 15, quận Gò Vấp	143,03	Số 3059/QĐ-UBND ngày 11/6/2013	UBND TP
	11	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư Phường 16, quận Gò Vấp	127,51	Số 2007/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	UBND quận Gò Vấp
	12	Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỉ lệ 1/2000 Phường 6 và Phường 17, quận Gò Vấp	281,66	Số 3483/QĐ-UBND ngày 29/6/2013	UBND TP
Phú Nhuận Công văn số 1556/UBND ngày 21/8/2024	1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 9, quận Phú Nhuận	139,99	1872/QĐ-UBND ngày 15/4/2013	UBND/TP
	2	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư liên Phường 1-2-7, quận Phú Nhuận	70,92	1817/QĐ-UBND ngày 12/4/2013	UBND/TP
	3	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư liên Phường 3-4-5, quận Phú Nhuận	76,89	1654/QĐ- UBND ngày 04/4/2013	UBND/TP
	4	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư liên Phường 8-15-17, quận Phú Nhuận	68,08	1877/QĐ-UBND ngày 16/4/2013	UBND/TP
	5	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư liên Phường 10-11-12-13-14, quận Phú Nhuận	101,21	1419/QĐ-UBND ngày 22/3/2013	UBND/TP
Tân Bình Công văn số 2011/UBND-ĐT ngày 21/8/2024	1	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 1, quận Tân Bình	36,26	1639/QĐ-UBND ngày 3/10/2008	UBND/Q. Tân Bình
	2	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 2, quận Tân Bình	154,79	1894/QĐ-UBND ngày 28/11/2008	UBND/Q. Tân Bình
	3	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 3, quận Tân Bình	26,25	1640/QĐ-UBND ngày 3/10/2008	UBND/Q. Tân Bình
	4	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 4, quận Tân Bình	112,05	422/QĐ-UBND ngày 20/4/2009	UBND/Q. Tân Bình
	5	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 5, quận Tân Bình	30,81	1642/QĐ-UBND ngày 03/10/2008	UBND/Q. Tân Bình
	6	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 6, quận Tân Bình	57,24	1149/QĐ-UBND ngày 30/9/2009	UBND/Q. Tân Bình

	7	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 7, quận Tân Bình	47,93	1641/QĐ-UBND ngày 3/10/2008	UBND/Q. Tân Bình
	8	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 8, quận Tân Bình	40,04	04/QĐ-UBND ngày 02/01/2009	UBND/Q. Tân Bình
	9	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 9, quận Tân Bình	50,16	1059/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	UBND/Q. Tân Bình
	10	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 10, quận Tân Bình	84,45	1643/QĐ-UBND ngày 03/10/2008	UBND/Q. Tân Bình
	11	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 11, quận Tân Bình	58,08	638/QĐ-UBND ngày 7/7/2009	UBND/Q. Tân Bình
	12	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 12, quận Tân Bình	88,83	Số 639/QĐ-UBND ngày 7/7/2009	UBND/Q. Tân Bình
	13	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 13, quận Tân Bình	131,13	387/QĐ-UBND ngày 3/4/2009	UBND/Q. Tân Bình
	14	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 14, quận Tân Bình	80,25	388/QĐ-UBND ngày 3/4/2009	UBND/Q. Tân Bình
	15	Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 15, quận Tân Bình	192,16	5471/QĐ-UBND ngày 2/12/2010	UBND/TP
Tân Phú 2006/UBND-ND ngày 04/9/2024	1	Đồ án QHPK TL1/2000 Khu 1 Tân Phú.	573,658 ha	5388/QĐ-UBND ngày 30/09/2013	UBND/TP
	2	Đồ án QHPK TL1/2000 Khu 2 Tân Phú	615,06 ha	5387/QĐ-UBND ngày 30/09/2013	UBND/TP
	3	Đồ án QHPK TL1/2000 Khu 3 Tân Phú.	412,252 ha	5341/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
	4	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	105,95	2684/QĐ-UBND ngày 23/6/2008	UBND/TP
	5	Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh - Sơn Kỳ, quận Tân Phú		1729/QĐ-UBND ngày 07/5/2019	UBND/TP
				3278/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	UBND/TP
Bình Tân Công văn số 3723/UBND ngày 15/8/2024	1	Khu dân cư phía Nam Đại lộ Võ Văn Kiệt	172	3035/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	UBND/TP
	2	Khu dân cư dọc tuyến Tỉnh lộ 10	251,95	3930/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	UBND/TP
	3	Khu dân cư phía Bắc Đại lộ Võ Văn Kiệt	273,07	2805/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	UBND/TP
	4	Khu dân cư Ngã Ba An Lạc	292,97	2996/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	UBND/TP
	5	Khu dân cư phía Đông đường Bình Trị Đông	296,5	4188/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	UBND/TP
	6	Khu dân cư phía Tây đường Bình Trị Đông	268,2	3788/QĐ-UBND ngày 06/09/2019	UBND/TP
	7	Khu dân cư phía Nam đường Tân Kỳ Tân Quý	467,49	4189/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	UBND/TP
	8	Khu dân cư phía Bắc đường Tân Kỳ Tân Quý	380,28	3789/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	UBND/TP
	9	Khu dân cư phía Tây đường Bình Thành	70	3929/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	UBND/TP
	10	Khu dân cư phía Tây Quốc lộ 1A	437,86	3815/QĐ-UBND ngày 07/9/2019	UBND/TP
	11	Khu dân cư Ngã Tư Tân Tạo - Tây Bắc Tỉnh lộ 10	274,34	4392/QĐ-UBND ngày 15/08/2013	UBND/TP
	12	Khu dân cư Tân Tạo hiện hữu (Khu 1)	249	3477/QĐ-UBND ngày 29/6/2013	UBND/TP
	13	Khu dân cư Tân Tạo hiện hữu (Khu 2)	90	3476/QĐ-UBND ngày 29/06/2013	UBND/TP
	14	Khu dân cư Trung tâm Tân Tạo	489	19457/QĐ-UBND ngày 30/12/2008	UBND/Q. BT
	15	Khu dân cư phụ trợ khu công nghiệp Tân Bình mở rộng	39,11	1127/QĐ-QLĐT ngày 29/3/2005	UBND/Q. BT

	16	Khu dân cư Vĩnh Lộc	110	11947/KTST-QH ngày 24/7/1997	KTST
	17	Khu Dân cư phía Tây đường Tên Lửa	89	11864/KTSTrQH ngày 12/12/2000	KTST
	18	Khu Dân cư phía Đông Bắc đường Tên Lửa	164,46	11012/KTST-QH ngày 11/9/1999	KTST
	19	Đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng (24,01ha) tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	24,01	3357/QĐ-UBND ngày 31/7/2007	UBND/TP
	20	Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng tại phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	22,75	2575/QĐ-UBND ngày 26/5/2011	UBND/TP
				6417/QĐ-UBND ngày 03/12/2015	UBND/TP
	21	Đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh	175,57	592/1997/QĐ-BXD ngày 15/12/1997	Bộ Xây dựng
	22	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng tại phường Tân Tạo A, quận Bình Tân	204,58	1512/QĐ-UBND ngày 04/4/2008	UBND/TP
Hóc Môn Công văn số 4415/UBND- QLĐT ngày 20/8/2024	1	Khu dân cư Thị tứ Cầu Lớn, xã Xuân Thới Sơn và Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	128,58	5131/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
	2	Khu dân cư Vườn Trầu, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	113,26	4823/QĐ-UBND ngày 05/9/2013	UBND/TP
	3	Khu dân cư dọc Hương lộ 80B xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn	160,9	4800/QĐ-UBND ngày 04/9/2013	UBND/TP
	4	Khu dân cư và du lịch vườn Nhị Bình, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn	337,1	5336/QĐ-UBND ngày 26/9/2013	UBND/TP
	5	Khu dân cư xã Xuân Thới Đông (xã Xuân Thới Thượng, xã Xuân Thới Đông và xã Bà Điểm), huyện Hóc Môn	131	5250/QĐ-UBND ngày 25/9/2013	UBND/TP
	6	Khu dân cư Vườn Trầu Bà Điểm (khu 1), xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	137,85	645/QĐ-UBND ngày 14/02/2014	UBND/TP
	7	Khu dân cư dịch vụ, thương mại – hành chính huyện Hóc Môn	45,65	646/QĐ-UBND ngày 14/02/2014	UBND/TP
	8	Khu dân cư Bà Điểm (Khu 2), xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	191,54	3793/QĐ-UBND ngày 12/7/2013	UBND/TP
	9	Khu dân cư Tân Xuân, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn	106,9	3911/QĐ-UBND ngày 18/7/2013	UBND/TP
	10	Khu dân cư Ngã Tư Thới Tứ, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn	30,35	4473/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	UBND/TP
	11	Khu dân cư Ngã Ba Giồng, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	109,6	4382/QĐ-UBND ngày 15/8/2013	UBND/TP
	12	Khu dân cư trung tâm và dân cư huyện lỵ Hóc Môn, huyện Hóc Môn	179	4751/QĐ-UBND ngày 03/09/2013	UBND/H. Hóc Môn
	13	Khu dân cư và công nghiệp xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn	202,6	5254/QĐ-UBND ngày 25/9/2013	UBND/TP
	14	Khu dân cư xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn	108	5133/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
	15	Khu dân cư Ngã Ba Giồng phía Bắc Tỉnh lộ 9, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn	68,59	4796/QĐ-UBND ngày 04/9/2013	UBND/TP
	16	Khu dân cư dọc QL1A, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	112,3	3794/QĐ-UBND ngày 12/7/2013	UBND/TP
	17	Khu dân cư Ngã Ba Hồng Châu phía Đông Bắc Quốc lộ 22, xã Tân Thới Nhi và xã Tân Hiệp	124,15	3795/QĐ-UBND ngày 12/7/2013	UBND/TP
	18	Khu dân cư dọc Hương lộ 80B xã Thới Tam Thôn – Trung Chánh, huyện Hóc Môn	179,11	5342/QĐ-UBND ngày 26/9/2013	UBND/TP
	19	Khu dân cư phía Nam Tỉnh lộ 9, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn	226,1	4944/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
	20	Khu dân cư phía Đông Tỉnh lộ 14, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	173,53	5130/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
	21	Khu dân cư xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	174,1	4958/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
	22	Khu dân cư dọc trục Hương lộ 65, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn	34,17	5050/QĐ-UBND ngày 16/9/2013	UBND/TP

	23	Khu dân cư xã Thới Tam Thôn (khu 1), huyện Hóc Môn	119,47	3472/QĐ-UBND ngày 29/06/2013	UBND/TP
	24	Khu dân cư xã Thới Tam Thôn (khu 2), huyện Hóc Môn	124,88	3471/QĐ-UBND ngày 29/06/2013	UBND/TP
	25	Khu dân cư Bắc Hương lộ 80, huyện Hóc Môn	200,78	3728/QĐ-UBND ngày 09/07/2013	UBND/TP
	26	Khu dân cư đường Trần Văn Mười, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn	229,88	3909/QĐ-UBND ngày 18/07/2013	UBND/TP
	27	Khu dân cư ngã ba Hồng Châu phía Tây Quốc lộ 22 xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn	146,93	3910/QĐ-UBND ngày 18/07/2013	UBND/TP
	28	Khu dân cư xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	111,2	3482/QĐ-UBND ngày 29/6/2013	UBND/TP
	29	Khu dân cư HL65, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn	120,27	4675/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
	30	Khu dân cư dọc Tỉnh lộ 14, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn	66,85	4474/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	UBND/TP
	31	Khu dân cư đô thị Tân Thới Nhì, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn	478,5	5074/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	UBND/TP
	32	Khu dân cư đô thị Tân Hiệp, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn	290,18	5075/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	UBND/TP
	33	Khu đô thị Đại Học quốc tế Việt Nam, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn	923,88	1927/QĐ-UBND ngày 12/04/2012	UBND/TP
	34	Khu dân cư thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn	39,09	625/QĐ-UBND ngày 19/10/2007	UBND/H. Hóc Môn
	35	Khu dân cư xã Tân Xuân phía Đông Quốc lộ 22, huyện Hóc Môn	165,47	4744/QĐ-UBND ngày 22/10/2010	UBND/TP
	36	Khu công nghiệp và dân cư xây dựng mới Nhị Xuân	210,96	866/QĐ-UBND ngày 06/3/2009	UBND/TP
Củ chi Công văn số 8085/UBND- QLĐT ngày 30/8/2024	1	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Hoà Phú, xã Hoà Phú	143.81	4818/QĐ-UBND ngày 05/09/2013	UBND/TP
	2	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Hoà Phú (khu 2)	53.38	5255/QĐ-UBND ngày 25/09/2013	UBND/TP
	3	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Tân Phú Trung	51.6	5142/QĐ-UBND ngày 20/09/2013	UBND/TP
	4	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Tân Phú Trung (khu II)	137.68	4669/QĐ-UBND ngày 28/08/2013	UBND/TP
	5	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Phú Trung (khu III)	156.24	45267/QĐ-UBND ngày 17/11/2009	UBND/H. Củ Chi
	6	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư An Nhơn Tây (khu 2)	103	13271/QĐ-UBND ngày 01/10/2008	UBND/H. Củ Chi
	7	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư An Nhơn Tây (khu 3)	113.25	5747/QĐ-UBND ngày 18/04/2011	UBND/H. Củ Chi
	8	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bàu Đưng (Khu II)	68.6	25774/QĐ-UBND ngày 11/08/2009	UBND/H. Củ Chi
	9	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu tái định cư Bàu Đưng	52	46/2007/QĐ-UBND ngày 14/05/2007	UBND/H. Củ Chi
	10	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Phước Hiệp	180.82	5139/QĐ-UBND ngày 20/09/2013	UBND/TP
	11	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Thạnh Tây	100	24/2008/QĐ-UBND ngày 08/10/2008	UBND/H. Củ Chi
	12	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Thạnh Tây (khu 2)	104.64	4658/QĐ-UBND ngày 28/08/2013	UBND/H. Củ Chi
	13	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu tái định cư Tân Phú Trung - Tân Thạnh Tây	50.2	25910/QĐ-UBND ngày 17/08/2009	UBND/H. Củ Chi

14	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Ngã 5 Tân Quy	57.38	4383/QĐ-UBND ngày 15/08/2013	UBND/TP
15	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư xã Trung An (khu 2)	101.24	4674/QĐ-UBND ngày 28/08/2013	UBND/TP
16	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Trung Lập Hạ (khu 2)	93.64	4804/QĐ-UBND ngày 04/09/2013	UBND/TP
17	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Trung Lập Hạ (khu III)	94.9	5128/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
18	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên xã Tân An Hội - Trung Lập Hạ	105.16	5252/QĐ-UBND ngày 25/09/2013	UBND/TP
19	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư xã Tân Thông Hội	147.14	4794/QĐ-UBND ngày 20/09/2013	UBND/TP
20	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Thông Hội (khu 2), xã Tân Thông Hội	132.04	45495/QĐ-UBND ngày 18/11/2009	UBND/H. Củ Chi
21	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phước Thạnh	54.4	4795/QĐ-UBND ngày 04/09/2013	UBND/TP
22	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Thị trấn Phú Hoà Đông	113.64	5053/QĐ-UBND ngày 16/09/2013	UBND/TP
23	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Phú Hoà Đông (khu 2)	99.64	4813/QĐ-UBND ngày 05/09/2013	UBND/TP
24	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Nhuận Đức	58.61	5135/QĐ-UBND ngày 20/09/2013	UBND/TP
25	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu trung tâm và dân cư xã An Phú	120.8	4673/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
26	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) Khu trung tâm và dân cư xã Phú Mỹ Hưng	82	5251/QĐ-UBND ngày 25/9/2013	UBND/TP
27	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Thái Mỹ - Khu II (Trung tâm xã)	62.19	4659/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
28	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư và công viên huyện lỵ	65.3	4959/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
29	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Thị trấn huyện lỵ	121	9687/QĐ-UBND ngày 17/9/2013	UBND/H. Củ Chi
30	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Trung Lập Thượng (Thị Tứ Trung Lập)	99.46	45624/QĐ-UBND ngày 26/11/2009	UBND/H. Củ Chi
31	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Trung Lập Thượng - Khu 2 - Huyện Củ Chi	23.21	5141/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
32	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư xã Tân Thạnh Đông (Khu 2)	143.23	5145/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
33	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư liên xã Phước Vĩnh An - Tân Phú Trung	252.8	5140/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
34	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Phước Vĩnh An (Khu 2)	269.37	5136/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
35	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm và dân cư xã Phước Vĩnh An	92.88	4670/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
36	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Tân An Hội (Khu 2)	66.18	4819/QĐ-UBND ngày 05/9/2013	UBND/TP

37	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư xã Tân Thạnh Đông	152.47	5129/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
38	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Bình Mỹ (khu 2)-Khu trung tâm xã	58.05	4664/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
39	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phú Hòa Đông (khu III)	204.16	4941/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
40	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư thị trấn huyện lỵ - xã Tân An Hội	150.74	4814/QĐ-UBND ngày 05/9/2013	UBND/TP
41	Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 (điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) Khu dân cư Tân Phú Trung (Khu dân cư Tân Phú Trung khu 4 cũ)	107	497/QĐ-UBND ngày 02/02/2019	UBND/TP
42	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư An Nhơn Tây (khu V)	71.3	4942/QĐ-UBND ngày 11/9/2013	UBND/TP
43	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư Tân Quy (thuộc Thị trấn Tân Quy)	52.8	4054/QĐ-UBND ngày 26/7/2013	UBND/TP
44	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Tân Thạnh Tây (khu III), huyện Củ Chi	22.52	4801/QĐ-UBND ngày 04/9/2013	UBND/TP
45	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu làng nghề hoa - cây kiểng - cá cảnh liên xã Trung An, Phú Hoà Đông	509.04	5390/QĐ-UBND ngày 30/9/2013	UBND/TP
46	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị) Khu Trung tâm và dân cư xã Trung An	78.94	4672/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	UBND/TP
47	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Tân Thông Hội (khu IV)	167.87	5383/QĐ-UBND ngày 30/9/2013	UBND/TP
48	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Thông Hội (Khu 3)	76.97	5143/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
49	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu tái định cư dự án xây dựng công viên Sài Gòn SAFARI, huyện Củ Chi. Diện tích 28,50 Ha	28.5	5885/QĐ-UBND ngày 29/11/2007	UBND/H. Củ chi
50	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu tái định cư Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn Cội	45.1	5336/QĐ-UBND ngày 28/3/2008	UBND/H. Củ chi
51	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Phước Thạnh (khu 3), thuộc xã Phước Thạnh	102	13274/QĐ-UBND ngày 01/10/2008	UBND/H. Củ chi
52	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm huyện lỵ	49.5	9688/QĐ-UBND ngày 17/9/2013	UBND/H. Củ chi
53	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư xã Phước Thạnh (khu 4), xã Phước Thạnh	36.72	5146/QĐ-UBND ngày 20/9/2013	UBND/TP
54	Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu tái định cư khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội	34.2	5399/QĐ-UBND ngày 30/9/2013	UBND/TP
55	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (giai đoạn 1)	208	3354/QĐ-UBND ngày 02/8/2010	UBND/TP
56	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (giai đoạn 2)	173	5435/QĐ-UBND ngày 11/11/2011	UBND/TP
57	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Tân Quy - Khu B - xã Tân Thạnh Đông	103	5306/QĐ-UBND ngày 06/12/2008	UBND/TP

58	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Phú Trung	542.64	2100/QĐ-UBND ngày 08/5/2009	UBND/TP
59	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Đông Nam và Khu dân cư phục vụ công nghiệp tại xã Bình Mỹ và xã Hòa Phú, huyện Củ Chi	342.53	1582/QĐ-UBND ngày 08/4/2015	UBND/TP
60	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp cơ khí ô tô Hòa Phú	112	5295/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
61	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công viên vui chơi giải trí Tân Phú Trung	128.61	4716/QĐ-UBND ngày 13/10/2009	UBND/TP
62	Đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu nhà vườn xã Bình Mỹ (Khu nhà vườn Kim Tâm Hải),	41.76	315/QĐ-UBND ngày 11/01/2011	UBND/H. Củ chi
63	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc xã Phạm Văn Cội	88	2189/2005/QĐ-UB-QLĐT ngày 31/5/2005	UBND/H. Củ chi
64	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 1), xã Phú Mỹ Hưng	335.15	5300/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
65	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 2), xã An Phú	575	5299/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
66	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 3), xã An Phú – xã An Nhơn Tây	418.93	5297/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
67	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 4), xã An Nhơn Tây	208.6	5302/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
68	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 5), xã Nhuận Đức – xã Phú Hòa Đông	172	5272/QĐ-UBND ngày 25/09/2013	UBND/TP
69	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 6), xã Phú Hòa Đông	436	5397/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
70	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 7), xã Trung An	1018.76	5395/QĐ-UBND ngày 30/09/2013	UBND/TP
71	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 8), xã Hòa Phú	336.45	5296/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
72	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 9), xã Hòa Phú – xã Bình Mỹ	435.91	5398/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
73	Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5000 khu nông nghiệp kết hợp DLST dân cư nhà vườn (khu 10), xã Bình Mỹ,	544.88	5301/QĐ-UBND ngày 26/09/2013	UBND/TP
74	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	5,426,423	2100/QĐ-UBND ngày 08/5/2009	UBND/TP
75	Điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Lô TT1, D1, D2)	301,229	4688/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	UBND huyện Củ Chi
76	Điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi tại các lô ký hiệu: A1, A2, A3	504,379	480/QĐ-UBND ngày 17/2/2022	UBND/TP

	77	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	208,00	3354/QĐ-UBND ngày 02/8/2010	UBND/TP
	78	Điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (phần trung tâm hành chính dịch vụ)	4,90	3247/QĐ-UBND ngày 30/6/2014	UBND/TP
	79	Điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (phần trung tâm hành chính, dịch vụ)	5,30	6522/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	UBND huyện Củ Chi
	80	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Cơ khí ô tô, xã Hòa Phú và xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi	993,422	5295/QĐ-UBND ngày 26/9/2013	UBND/TP
	81	Điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Cơ khí ô tô, xã Hòa Phú và xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (tại Lô ký hiệu J)	26,015	3688/QĐ-UBND ngày 29/8/2018	UBND/TP
	82	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (phần mở rộng) tại xã Trung Lập Hạ - Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	173,24	5435/QĐ-UBND ngày 11/11/2011	UBND/TP
Bình Chánh Công văn số 3766/UBND ngày 10/9/2024	1	Khu dân cư phía Tây quốc lộ 1, Xã Vĩnh Lộc B (Khu II)	174.94	4790/QĐ-UBND ngày 04/09/2013 c	UBND TP
	3	Khu dân cư liền kề KCN Lê Minh Xuân 3	102.21	3023/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	UBND TP
	4	Khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Cửu Phú	191.20	4945/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP
	5	Khu dân cư thị trấn Tân Túc phần còn lại phía Nam	128.43	6304/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	UBND Bình Chánh
	6	Khu trung tâm và dân cư Tân Túc	418.96	6368/QĐ-UBND ngày 9/10/2013; 10245/QĐ-UBND ngày 07/8/2014; 6530/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	UBND Bình Chánh
	7	Khu dân cư và trung tâm xã Bình Chánh	145.62	4951/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP
	8	Khu dân cư xã Tân Quý Tây	106.77	4817/QĐ-UBND ngày 05/09/2013	UBND TP
	9	Khu dân cư xã Vĩnh Lộc A	237.91	4937/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP
	10	Khu dân cư xã Vĩnh Lộc B (Khu I)	278.00	5124/QĐ-UBND ngày 20/09/2013	UBND TP
	11	Khu dân cư phía Tây quốc lộ 1, Xã Vĩnh Lộc B (Khu III)	124.98	5082/QĐ-UBND ngày 17/09/2013	UBND TP
	12	Khu dân cư, tái định cư và nhà ở công nhân xã Lê Minh Xuân	95.46	4946/QĐ-UBND ngày 11/09/2013; 4075/QĐ-UBND ngày 28/11/2022.	UBND TP
	13	Khu dân cư tam giác Tân Nhựt	83.54	4948/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP
	14	Cụm y tế Tân Kiên	55.03	438/QĐ-UBND ngày 31/01/2015	UBND TP
	15	Khu dân cư xã Tân Kiên (Khu A)	143.81	4803/QĐ-UBND ngày 04/09/2013	UBND TP
	16	Khu dân cư xã Tân Kiên (Khu B)	212.16	4780/QĐ-UBND ngày 03/09/2013	UBND TP
	17	Khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1	82.85	4952/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP
	18	Khu trung tâm và dân cư khu vực phía Tây Thành phố	239.93	4956/QĐ-UBND ngày 11/09/2013; 3844/QĐ-UBND ngày 11/09/2023; 4915/QĐ-UBND ngày 30/10/2023;	UBND TP
	19	Khu dân cư thị trấn Tân Túc phần còn lại phía Bắc	113.06	6305/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	UBND TP

20	Khu dân cư phía Bắc xã Bình Chánh	104.10	Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 15/08/2013	UBND TP	
21	Khu dân cư phía Nam xã Bình Chánh	129.18	4949/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP	
22	Khu dân cư xã Bình Chánh	68.45	5049/QĐ-UBND ngày 16/09/2013	UBND TP	
23	Khu dân cư xã An Phú Tây-Tân Quý Tây	163.82	4950/QĐ-UBND ngày 11/09/2013	UBND TP	
24	Khu dân cư xã Đa Phước	67.52	4666/QĐ-UBND ngày 28/08/2013	UBND TP	
25	Khu dân cư phía Bắc xã Phong Phú	148.03	4798/QĐ-UBND ngày 04/09/2013	UBND TP	
26	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp An Hạ tại xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh	123,51	6140/QĐ-UBND ngày 19/12/2011	UBND/TP	
27	Đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00	591/1997/QĐ-BXD ngày 15/12/1997	Bộ Xây dựng	
28	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân mở rộng (109,91ha), xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh	109,91	781/QĐ-UBND ngày 29/2/2016	UBND/TP	
29	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân 2, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh	337,16	2154/QĐ-UBND ngày 05/5/2014	UBND/TP	
			4110/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	UBND/TP	
30	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân 3, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh	231,25	4252/QĐ-UBND ngày 26/8/2014	UBND/TP	
31	Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân 3, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh		2959/QĐ-UBND ngày 08/06/2016	UBND/TP	
32	Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	201,51	5153/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	UBND/TP	
33	Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, thuộc địa bàn phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh và xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	1,728,732	688/QĐ-UBND ngày 13/02/2018	UBND/TP	
34	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng tại xã Vĩnh Lộc A - huyện Bình Chánh	560,614	145/QĐ-UBND ngày 12/01/2007	UBND/TP	
35	Điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu chức năng số 6B - Đô thị mới Nam Thành phố, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh	75,2401	1828/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	UBND/TP	
36	Điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh	18,16	880/QĐ-UBND ngày 28/02/2015	UBND/TP	
37	Điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu chức năng số 19 - Đô thị mới Nam Thành phố, xã An Phú Tây và xã Hưng Long, huyện Bình Chánh	71,3441	4809/QĐ-UBND ngày 09/9/2017	UBND/TP	
38	Quy hoạch phân khu 1/2000 Cụm Y tế Tân Kiên huyện Bình Chánh	54	438/QĐ-UBND ngày 31/1/2015	UBND/TP	
Nhà Bè Công văn số 2234/UBND- CLĐT ngày	1	Ngã 3 Long Thới	75.70	1160/KTS.T.QH ngày 01/2/1999	KTSTr TP
	2	Khu dân cư trung tâm xã Phước Lộc	46.60	3645/KTST-QH ngày 02/4/1999	KTSTr TP
	3	Khu dân cư Thị trấn - Phú Xuân	357.00	198/QĐ-UBND ngày 20/03/2008	UBND Huyện

13/9/2024

4	Khu Trung tâm và dân cư huyện lỵ Nhà Bè	100.00	215/2006/QĐ-UBND ngày 22/08/2006	UBND Huyện
5	Khu dân cư Bắc Bờ Bàng	75.20	205/QĐ-UBND ngày 21/05/2007	UBND Huyện
6	Khu Bờ Bàng xã Phú Xuân	188.90	4444/QĐ-UBND ngày 19/8/2013	UBND/TP
7	Khu dân cư xã Phước Kiển (Lâm Viên)	77.17	20/2005/QĐ-UB-QLĐT ngày 23/11/2005	UBND Huyện
8	Khu dân cư xã Long Thới (Trường Vỹ)	76.17	1393/QĐ-UBND ngày 26/12/2008	UBND Huyện
9	Khu dân cư cầu Rạch Dơi, ấp 4 xã Nhơn Đức	156.00	5482/KTST-QH ngày 12/5/2000	KTSTr TP
10	Khu dân cư xã Phước Kiển (Nam Sài Gòn giai đoạn 1,2)	43.08	16251/KTST-QH ngày 9/11/1998	KTSTr TP
11	Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 3	392.89	3909/QĐ-UBND ngày 12/8/2014	UBND/TP
12	Khu trung tâm và dân cư xã Hiệp Phước	196	5915/KTST-QH ngày 28/05/2000	UBND/TP
13	Khu dân cư ấp 1 xã Hiệp Phước	150	3962/KTST-QH ngày 4/3/1999	UBND/TP
14	Khu dân cư xã Phước Lộc - phía Nam cảng Cây Khô	134.74	1043/QĐ-UBND ngày 20/10/2008	UBND Huyện
15	Khu dân cư Nhơn Đức - Phước Lộc (93ha)	89,61	145/QĐ-UBND ngày 20/4/2011	UBND Huyện
16	Khu dân cư và tái định cư xã Nhơn Đức	35.60	1091/QĐ-UBND ngày 12/11/2008	UBND Huyện
17	Khu dân cư ấp 4 xã Phước Kiển (Tổng cục 5)	26.86	05/2006/QĐ-UBND ngày 3/3/2006	UBND Huyện
18	Khu dân cư phía Tây xã Phước Lộc	190.42	19/2005/QĐ-UB-QLĐT ngày 31/01/2005	UBND Huyện
19	Điều chỉnh QHCT (QHPK) TL1/2000 KDC xã Phước Kiển (ngã ba đường Lê Văn Lương - Phạm Hữu Lầu)	102.31	317/QĐ-UBND ngày 21/01/2017	UBND/TP
20	Khu dân cư dọc đường trục Bắc - Nam (phần bên trái) bao gồm 14 khu đất của Công ty TNHH Phú Long	49.09	453/QĐ-UBND ngày 28/09/2007	UBND Huyện
21	Khu dân cư dọc đường Nguyễn Hữu Thọ (Phú Long mở rộng từ rạch Địa tới trạm biển ấp Nhà Bè)	20.07	1090/QĐ-UBND ngày 12/11/2008	UBND Huyện
22	Khu đô thị mới Nhơn Đức - Phước Kiển (GS)	349.36	1018/QĐ-UBND ngày 7/3/2008	UBND/TP
23	Khu dân cư xã Phước Kiển (Nam Sài Gòn giai đoạn 3)	156,44	435/QĐ-UBND ngày 25/01/2013	UBND/TP
24	Khu Long Thới - Nhơn Đức (khu đại học tập trung)	151.00	1524/QĐ-UBND ngày 28/03/2014	UBND/TP
25	Khu công nghiệp Hiệp Phước (giai đoạn 1)	311.40	758/QĐ-UBND ngày 20/02/2014	UBND/TP
26	Khu công nghiệp Hiệp Phước (giai đoạn 2)	651.66	6788/QĐ-UBND ngày 10/12/2015	UBND/TP
27	Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức (Intresco)	71.83	3060/QĐ-UBND ngày 15/6/2011	UBND/TP
28	Khu dân cư xã Phước Lộc - cảng Cây Khô cũ	87.70	3903/QĐ-UBND ngày 18/07/2013	UBND/TP
29	Khu dân cư Phước Kiển	50.59	345/QĐ-UBND ngày 3/8/2007	UBND Huyện
30	Khu phụ trợ nhà máy điện HP	25.60	13940/KTST-QH ngày 23/09/1998	UBND/TP
31	Điều chỉnh Khu dân cư kết hợp Thương mại Dịch vụ	60.65	3298/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	UBND/TP
32	Khu dân cư phía Nam vòng xoay Lê Văn Lương - Nguyễn Bình	184.73	4675/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	UBND/TP
33	Khu dân cư ấp 2 - phía Bắc vòng xoay Lê Văn Lương - Nguyễn Bình	102.76	4648/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	UBND/TP

	34	Khu dân cư phía Bắc Sông Đồn Điền	48.91	4632/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	UBND/TP
	35	Mở rộng nghĩa trang Nhơn Đức	51.78	4709/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	UBND/TP
	36	Khu dân cư PK, khu đất giữa Nguyễn Hữu Thọ - Lê Văn Lương	152.22	4706/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	UBND/TP
Ban Quản lý Khu Nam Công văn số 586/BQLKN- QHXD ngày 30/8/2024	1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị TL 1/5000 (quy hoạch phân khu) Khu đô thị mới Nam Thành phố, diện tích 2.975ha;	2.975	6692/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	UBND/TP